TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH QUẢNG NAM** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **

Số: 324/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/ 10 / 2018
V/v Tranh chấp: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Trí Dũng
2. Bà Lê Thị Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Trang, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/HPT ngày 05 tháng 10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị Mỹ N
- Trú tại thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (*có mặt*)
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tam D

Trú tại: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Mai Thị Mỹ N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Tam D xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào tháng 3 năm 2014. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống ở tại thôn P, xã N, huyện Đ, Quảng Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên bà N về nhà mẹ ruột tại Thôn H, xã N, huyện Đ, Quảng Nam sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vả nhau. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2014 đến nay. Bà N, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc vợ chồng đã thật sự tan vỡ, mục đích

hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Toà án cho bà được ly hôn với ông D để mỗi người được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Bà N khai vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Tam Gia H, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2014. Từ khi vợ chồng ly thân nhau đến nay cháu H ở với bà N. Nay ly hôn bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại hồ sơ vụ án thể hiện, TAND huyện Đ đã nhiều lần phối hợp với Ban dân chính thôn P, xã N, huyện Đ, Quảng Nam để tống đạt nhiều lần các giấy triệu tập của Tòa án cho ông Nguyễn Tam D. Nhưng qua xác minh thể hiện ông D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông vẫn cố tình trốn tránh không làm việc với Tòa. Do vậy, Tòa án đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Tam D tại địa phương như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo việc công khai chứng cứ, thông báo về các phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Mai Thị Mỹ N đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70,71,186,188,189,227 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Tam D, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 ,227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, ông D vắng mặt, không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông D đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông D.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Tam Gia H, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2014 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con : bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về quan hệ tài sản, nợ chung: Bà N khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về tố tụng***:Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Nguyễn Tam D đã cố tình trốn tránh, không chịu làm việc với Tòa. Tòa án đã tống đạt và niêm

yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Tam D vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật .

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Mỹ N và ông Nguyễn Tam D thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N năm 2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của bà N và ông D thì thấy sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng bà N và ông D ly thân nhau từ tháng 6/2014 đến nay. Trong thời gian ly thân ông D, bà N bỏ mặt không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N xử cho bà N được ly hôn với ông D là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng về nuôi con chung của bà N là phù hợp HĐXX nghĩ nên chấp nhận. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Tam Gia H cho bà N nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi .

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu ông D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xét.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà N khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án Phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX buộc bà Nhung phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 các Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Mỹ N :

***- Về quan hệ hôn nhân*:** Tuyên xử cho bà Mai Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Tam D.

***- Về quan hệ con chung*:** Giao cho bà Mai Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu là Nguyễn Tam Gia H sinh ngày 25 tháng 9 năm 2014 cho

đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Bà N không yêu cầu ông D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tam D có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đán, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Mai Thị Mỹ N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0011000 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngaỳ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Các đương sự
- UBND xã N;
-Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phượng